

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành danh mục 70 thuốc sản xuất trong nước**  
**được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 177**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;*

*Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;*

*Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 70 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 177, cụ thể:

1. Danh mục 65 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD-...-22 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 05 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD3-...-22 và hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

**Điều 2.** Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 có chứa dược chất thuộc nhóm sartan.

5. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

6. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với các thuốc thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này (giấy đăng ký lưu hành có ký hiệu VD3-...-22).

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HDTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, P.QLGT; Website;
- Lưu: VT, ĐKT.

**CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Tuấn Cường**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC 65 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ**  
**LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 177**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 331...../QĐ-QLD ngày 23 tháng 06 năm 2022  
của Cục Quản lý Dược)*

**1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) (Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định - Việt Nam)**

**1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược - trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) (Đ/c: 498 Nguyễn Thái Học, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Bình Định - Việt Nam)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Bidifolin MR 5mg	Felodipin 5mg	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35645-22
2	Terlipressin Bidiphar 0,12mg/ml	Mỗi 8,5ml chứa: Terlipressin acetat (tương đương Terlipressin 0,85mg) 1mg	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 01 ống, 05 ống, 10 ống, 20 ống x 8,5ml	VD-35646-22

**2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Đại Nam (Đ/c: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)**

**2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Enlie (Đ/c: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Datviron	Benfotiamin 150mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35647-22

**3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Enlie (Đ/c: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)**

**3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Enlie (Đ/c: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)**

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Cinnarizin 25mg	Cinnarizin 25 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 1, 3, 10, 25 vi x 10 viên; hộp 3, 5, 10 vi x 25 viên; Hộp 3, 5, 10 vi x 30 viên	VD-35648-22
5	Propranolol 40	Propranolol hydrochlorid 40mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Chai 50, 100, 200 viên; Hộp 1, 3, 5, 10 vi x 10 viên	VD-35649-22

**4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Hậu Giang** (Đ/c: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ - Việt Nam)

**4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang** (Đ/c: Lô B2 - B3, KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	BIGINOL 5	Bisoprolol fumarat 5 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35650-22

**5. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần dược Medipharco** (Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

**5.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần dược Medipharco** (Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Cilnidipin 5	Cilnidipin 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi, 10 vi x 10 viên; Hộp 05 vi, 10 vi x 30 viên	VD-35651-22
8	Rosuvastatin 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35652-22
9	Simvastatin 10	Simvastatin 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi, 50 vi, 100 vi x 10 viên	VD-35653-22

10	Simvastatin 20	Simvastatin 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10 viên	VD-35654-22
11	Simvastatin 40	Simvastatin 40mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10 viên	VD-35655-22
12	Simvastatin 5	Simvastatin 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ, 50 vỉ, 100 vỉ x 10 viên	VD-35656-22

**6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A** (Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

**6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A** (Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	LercaAPC 10	Lercanidipin hydroclorid 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35657-22

**7. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên** (Đ/c: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**7.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên** (Đ/c: Lô C16, đường số 9, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	A.T Ketoprofen 100 mg/2 ml	Ketoprofen 100mg/2ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 5 ống, 10 ống, 20 ống x 2 ml	VD-35658-22
15	Amalgel 500 mg	Almagate 500mg	Viên nén nhai	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35659-22
16	Nereid	Nimodipine 10mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 50 ml	VD-35660-22
17	Tiyas	Telmisartan 40mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30 viên, 60 viên, 100 viên	VD-35661-22

**8. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam** (Đ/c: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

**8.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam** (Đ/c: Số 43 đường số 8, KCN Việt Nam - Singapore, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Bosditen 30 Sachet	Mỗi gói 0,9g chứa: Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil 36,76mg) 30 mg	Cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 12, 20, 21, 24, 30 gói x 0,9g	VD-35662-22
19	Boszapin 10 ODT	Olanzapin 10 mg	Viên nén phân tán trong miệng	36 tháng	TCCS	Hộp 3, 5, 10 vi x 10 viên	VD-35663-22
20	Prizil 250 sachet	Mỗi gói 3g chứa: Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat) 250 mg	Cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10, 14, 20, 24, 30 gói x 3g	VD-35664-22
21	Prizil 500	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat) 500 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1, 2, 3, 5, 10 vi x 10 viên	VD-35665-22

**9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội** (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

**9.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội** (Đ/c: Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	BFS-Calci Gluconat 10%	Calci gluconat (dưới dạng Calci gluconat monohydrat) 10%	Dung dịch tiêm	24 tháng	BP 2018	Hộp 2 lọ, 10 lọ, 50 lọ x 10ml	VD-35666-22

**10. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic** (Đ/c: 367 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**10.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic** (Đ/c: 1/67 Nguyễn Văn Quá, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	Povidone 7,5%	Povidon iod 7,5%	Dung dịch dùng ngoài	24 tháng	TCCS	Chai 500 ml, 800 ml; Bình 5 lít	VD-35667-22

**11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm** (Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

**11.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc** (Đ/c: Lô B15/I-B16/I đường 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Momencef MD 375 mg/7,5 ml	Mỗi 10g chứa Sultamicilin 5000 mg	Thuốc bột pha dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 10 g	VD-35668-22

**11.2 Nhà sản xuất: Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm-Nhà máy công nghệ cao Bình Dương** (Đ/c: Số 21, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II, phường Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Amikacin 1 g/4 ml	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat) 1 g/4 ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	ĐĐVN hiện hành	Hộp 1 lọ, 5 lọ, 10 lọ x 4 ml	VD-35669-22
26	Amikacin 500mg/2ml	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat) 500mg/2ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	ĐĐVN hiện hành	Hộp 1 lọ, 5 lọ, 10 lọ x 2 ml	VD-35670-22
27	Omeprazole 40 mg	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol natri) 40mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, 5 lọ, 10 lọ	VD-35671-22

**12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa** (Đ/c: 74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)

**12.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa** (Đ/c: Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
28	Rabeprazol 20mg	Rabeprazol natri 20 mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35672-22

**13. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam** (Đ/c: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam tại Khu công nghiệp Long Bình (Amata), địa chỉ: Lô 512, đường số 13, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

**13.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam** (Đ/c: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Otsuka Việt Nam tại Khu công nghiệp Long Bình (Amata), địa chỉ: Lô 512, đường số 13, Khu công nghiệp Long Bình (Amata), Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Sodium chloride 0,9%	Sodium chloride 0,9%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	30 tháng	JP 17	Thùng 20 túi 500ml	VD-35673-22

**14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi** (Đ/c: Lô Z 01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam - Việt Nam)

**14.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi** (Đ/c: Lô Z 01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Argibu 200	Dexibuprofen 200 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-35674-22
31	Savcardol 5	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) 5 mg	Viên nén	36 tháng	USP 41	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35675-22

**15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco** (Đ/c: Lô 08, 09 cụm công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)

**15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco** (Đ/c: 15 Đốc Bình Kiều, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang - Việt Nam)



STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	BBcelat	Mỗi gói 1,2g chứa: Sultamicilin (dưới dạng Sultamicilin tosilat dihydrat 337,5mg) 250mg	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 12 gói x 1,2g	VD-35676-22

**16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco** (Đ/c: số 160 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội - Việt Nam)

**16.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco** (Đ/c: Thôn Thạch Lỗi, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
33	Amikacin 1000mg/4ml	Amikacin (dưới dạng Amikacin sulfat) 1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	ĐĐVN V	Hộp 01 vi x 5 ống x 4ml	VD-35677-22
34	Gludazim	Tinidazol 400mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, 20 lọ x 100ml	VD-35678-22
35	Pharbarelín 300	Pregabalin 300mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35679-22

**17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương VIDIPHA** (Đ/c: 184/2 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**17.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương** (Đ/c: Khu phố Tân Bình, phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Ancorixib 60	Etoricoxib 60mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3, 10, 20 vi x 10 viên; Chai 100 viên	VD-35680-22
37	Bisprovidi 2,5	Bisoprolol fumarate 2,5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3, 10 vi x 10 viên	VD-35681-22

**18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2** (Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

**18.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Vimedimex 2** (Đ/c: Lô đất N2, đường TS 6, KCN Tiên Sơn, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Methyldopa-VMG 250	Methyldopa (dưới dạng Methyldopa hydrat) 250 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35682-22
39	Rosuvastatin-VMG 10	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35683-22

**19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Trung Ương 3.** (Đ/c: Số 115 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam)

**19.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Trung Ương 3.** (Đ/c: Số 115 Ngô Gia Tự, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
40	Cetecoamlocen	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat 6,93mg) 5mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35684-22

**20. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam** (Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)

**20.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam** (Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Lopecol	Mỗi 10 ml chứa: Levodropipizin 60 mg	Si rô	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ 60 ml, 100 ml, 120 ml; Hộp 20 ống, 30 ống, 40 ống x 10 ml	VD-35685-22

**21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar** (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**21.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar** (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

42	Aciclovir MKP 200	Aciclovir 200mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 01 vỉ x 25 viên	VD-35686-22
----	-------------------	-----------------	----------	----------	------	---------------------	-------------

**22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Pymepharco** (Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên - Việt Nam)

**22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Pymepharco** (Đ/c: 166 - 170 Nguyễn Huệ, Thành phố Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	Pyme Diapro MR 60	Gliclazid 60 mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-35687-22

**22.2 Nhà sản xuất: Nhà máy Stada Việt Nam** (Đ/c: 189 Hoàng Văn Thụ, phường 9, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
44	Levofloxacin Stada 250 mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 250 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 4 viên	VD-35688-22
45	Levofloxacin Stada 500 mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 500 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 4 viên	VD-35689-22
46	Rabeprazole Stada 20 mg	Rabeprazol natri 20 mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VD-35690-22
47	Rosuvastatine Stada 10 mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-35691-22
48	Rosuvastatine Stada 5 mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-35692-22

**23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Samedco** (Đ/c: 666/10/1 đường 3/2, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**23.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Enlie** (Đ/c: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

49	Flecain	Fluvoxamin maleat 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35693-22
----	---------	----------------------------	----------------------	-------------	------	-----------------------	-------------

**24. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần SPM** (Đ/c: Lô 51- Đường số 2- KCN Tân Tạo- P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân- TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**24.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần SPM** (Đ/c: Lô 51- Đường số 2- KCN Tân Tạo- P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân- TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Ticagrelor SPM 90	Ticagrelor 90 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3, 6 vỉ x 10 viên; Hộp 1, 3, 6 vỉ x 14 viên	VD-35694-22

**25. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Traphaco** (Đ/c: 75 Phố Yên Ninh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội - Việt Nam)

**25.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên** (Đ/c: Thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Azizi	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VD-35695-22
52	REBAMIPID 100 mg	Rebamipid 100mg	Viên nén bao phim	30 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35696-22

**26. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế** (Đ/c: 36 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

**26.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Trust Farma Quốc tế** (Đ/c: 36 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Rinedif 250 Sac	Mỗi gói 2g chứa: Cefdinir 250 mg	Bột pha hỗn dịch uống	36 tháng	USP41	Hộp 30 gói x 2g	VD-35697-22

**27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần US Pharma USA** (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**27.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần US Pharma USA** (Đ/c: Lô B1-10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Livimax 300	Acid ursodeoxycholic 300 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Chai 50 viên, 100 viên, 200 viên	VD-35698-22

**28. Công ty đăng ký: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)** (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

**28.1 Nhà sản xuất: Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH)** (Đ/c: TS 509, tờ bản đồ số 01, cụm CN Hạp Lĩnh, phường Hạp Lĩnh, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
55	Orthobii-ParaIbu	Paracetamol 325mg; Ibuprofen 200mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên.	VD-35699-22

**29. Công ty đăng ký: Công ty Liên doanh Meyer-BPC** (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre - Việt Nam)

**29.1 Nhà sản xuất: Công ty Liên doanh Meyer-BPC** (Đ/c: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
56	Meyeripin 5	Cilnidipin 5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35700-22
57	Mycemol	Paracetamol 500 mg; Methocarbamol 400 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35701-22
58	Nebizide 5/12,5	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochlorid) 5 mg; Hydrochlorothiazid	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-35702-22

		12,5 mg				
--	--	---------	--	--	--	--

**30. Công ty đăng ký: Công ty TNHH BRV Healthcare** (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**30.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH BRV Healthcare** (Đ/c: Khu A, số 18, đường số 09, ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
59	Bivotzi 40/12.5	Telmisartan 40 mg; Hydrochlorothiazid 12,5 mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên, 6 vỉ x 10 viên	VD-35703-22
60	Xinorli 120	Orlistat (dưới dạng Orlistat pellets 50% 240 mg) 120 mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35704-22
61	Xinorli 60	Orlistat (dưới dạng Orlistat pellet 50% w/w 120 mg) 60 mg	Viên nang cứng	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35705-22

**31. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Allomed** (Đ/c: Lô A-1H-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, T.X Bến Cát, Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

**31.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Allomed** (Đ/c: Lô A-1H-CN, KCN Mỹ Phước 3, Phường Chánh Phú Hòa, T.X Bến Cát, Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	Vidulorata 5mg/5ml	Loratadin 5mg/5ml	Dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5 ml	VD-35706-22

**32. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm (Stellapharm J.V.Co., Ltd.)** (Đ/c: K63/1 Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**32.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - chi nhánh 1** (Đ/c: Số 40 đại lộ tự do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Gliptinestad 50	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphat	Viên nén bao phim	24 tháng	USP42	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VD-35707-22

		monohydrat) 50 mg					
--	--	-------------------	--	--	--	--	--

**33. Công ty đăng ký: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera** (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

**33.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera** (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Biovacor	Pravastatin natri 30mg	Viên nén	36 tháng	USP hiện hành	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35708-22
65	Bysvolol	Nebivolol (dưới dạng nebivolol hydroclorid) 2,5mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-35709-22

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC 05 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ**  
**LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 177**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 331.../QĐ-QLD ngày 23 tháng 06 năm 2022  
của Cục Quản lý Dược)*

**1. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần dược Medipharco** (Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

**1.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần dược Medipharco** (Đ/c: Số 8, Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 06 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 01 lọ x 100 viên	VD3-175-22

**2. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên** (Đ/c: 314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**2.1 Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên** (Đ/c: Lô C16, đường số 9, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Atiazol 5mg	Aripiprazol 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2, 3, 5, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai 30, 60, 100 viên	VD3-176-22

**3. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế CT Pharma** (Đ/c: 101/30 Thành Thái, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

**3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun** (Đ/c: 521, khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Immotane	Tenofovir alafenamid (dưới	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 30 viên; Hộp 3 vỉ	VD3-177-22



		dạng Tenofovir alafenamid fumarat) 25 mg				x 10 viên	
--	--	--	--	--	--	-----------	--

**4. Công ty đăng ký: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera** (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

**4.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera** (Đ/c: Lô A17 KCN Tứ Hạ, Phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Imalotab	Imatinib (dưới dạng imatinib mesilat) 40mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD3-178-22
5	Imalova	Imatinib (dưới dạng imatinib mesilat) 100mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD3-179-22